

Bản án số: **893/2023/KDTM-PT**
Ngày: 29/8/2023
V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Thủy.

Các Thẩm phán:

1. Bà Hoàng Thị Bích Thảo

2. Bà Vũ Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thúy Ngân- thư
ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 tháng 8 năm 2023 và ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ
sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh
thương mại thụ lý số: 72/2023/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc
tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 34/KDTM-ST ngày 04
tháng 4 năm 2023 của Tòa án Nhân dân quận T, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2332/2023/QĐPT-
KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số
10301/2023/QĐHPT ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH M1** (Binh Duong); Địa chỉ trụ sở: Số 06
VSIP II-A, đường số 17 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường
Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh B, Việt Nam;

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn theo ủy quyền: Ông Lê Trọng
Quang Trung; địa chỉ liên lạc: Lầu 8, số 8 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé,
Quận M, Thành phố H (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2021).

2. *Bị đơn:* **Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1**; Địa chỉ trụ sở
chính: Lô III-16, đường CN13, Khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh,
quận T, Thành phố H, Việt Nam;

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Vũ, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: TTB-07-02A chung cư Lê Thành, đường Hồ Văn Long (nổi dài), phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố H, (Văn bản ủy quyền ngày 24/01/2022), (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: **Bị đơn**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung và quyết định của bản án sơ thẩm :

Công ty TNHH M1 (Bình Duong) (sau đây gọi là Công ty Mercury) trình bày:

Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 (sau đây gọi tắt là Công ty H1) và Công ty Mercury có thỏa thuận việc mua bán hàng hóa thông qua các Hợp đồng kinh tế gồm: số VNM-2017-002 ký ngày 01/01/2017; số VNM-2017-002 ký ngày 01/10/2017; số VNM-2018-002 ký ngày 02/01/2018 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) và phụ lục số VNM-2018-002-PL01 ký ngày 15/6/2018. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 22/12/2017 đến ngày 09/05/2018, Công ty Mercury đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa theo các đơn đặt hàng và đã xuất, giao đầy đủ hóa đơn cho Công ty H1 theo đúng thỏa thuận của hai bên.

Ngày 14/11/2020, Công ty Mercury và Công ty H1 đã ký biên bản đối chiếu công nợ số 14.11.2020/ĐCCN.MER/HM và số MC-HM-11-2020 để xác nhận công nợ với nội dung sau:

- Tính đến hết ngày 16/11/2020 Công ty H1 còn nợ Công ty Mercury số tiền là 6.631.665.648 đồng;

- Công ty H1 cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước ngày 30/11/2023;

- Công ty H1 phải đảm bảo rằng mỗi tháng phải thanh toán khoản nợ cũ tối thiểu đạt 200.000.000 đồng;

- Nếu Công ty H1 vào bất cứ tháng nào không trả đủ số nợ cũ đạt 200.000.000 đồng thì Công ty H1 bị xem như vi phạm Hợp đồng, những khoản nợ quá hạn sẽ không được tiếp tục gia hạn, Công ty Mercury lập tức áp dụng các hành động pháp lý liên quan;

- Công ty Mercury không chấp nhận sự chậm trễ thanh toán của Công ty H1 với bất kỳ lý do gì.

Tuy nhiên, Công ty H1 đã không thực hiện thanh toán đúng cam kết. Cụ thể: Tháng 11/2020, thanh toán 54.164.770 đồng; tháng 12/2020 thanh toán 228.382.715 đồng; tháng 01/2021 thanh toán 175.041.818 đồng; tháng 02/2021 thanh toán 82.198.076 đồng; tháng 03/2021 thanh toán 52.669.304 đồng. Tổng cộng là 592.456.683 đồng. Số tiền còn nợ là 6.039.208.965 đồng.

Ngày 19/3/2021, Công ty Mercury đã gửi thông báo cho Công ty H1 yêu cầu phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ trước ngày 26/3/2021 nhưng Công ty H1 không thực hiện nên Công ty Mercury khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty Mercury toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 6.039.208.965 đồng.

- Buộc Công ty H1 phải thanh toán khoản phạt 50% giá trị của đơn hàng vi phạm theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng, với tổng số tiền phạt là 6.039.208.965 đồng x 50% = 3.019.604.482 đồng.

- Buộc Công ty H1 phải thanh toán số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 26/03/2021 đến ngày 31/03/2021 với mức lãi suất là 0.03%/ngày. Cụ thể: 6.039.208.965 đồng x 0.03% x 5 ngày = 9.058.813 đồng.

***Bị đơn Công ty H1 vắng mặt.**

Tại phiên tòa, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty Mercury khoản tiền phạt 50% giá trị của đơn hàng vi phạm theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng, với tổng số tiền phạt là 6.039.208.965 đồng x 50% = 3.019.604.482 đồng; Nguyên đơn yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt là 8% trên giá trị khoản nợ chưa thanh toán được tính là 483.136.717 đồng.

Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 26/3/2021 đến ngày 31/3/2023 là: 6.039.208.965 đồng x 9%/năm x 735 ngày = 1.094.492.816 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 6.039.208.965 đồng (nợ gốc) + 1.094.492.816 đồng (lãi chậm thanh toán) + 483.136.717 đồng (phạt vi phạm hợp đồng) = 7.616.838.498 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phiên Tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về khoản phạt 50% giá trị của đơn hàng vi phạm theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng, với tổng số tiền phạt là 6.039.208.965 VNĐ x 50% = 3.019.604.482 đồng; Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền: 6.039.208.965 đồng (nợ gốc) + 1.094.492.816 đồng (lãi chậm thanh toán) + 483.136.717 đồng (phạt vi phạm hợp đồng) = 7.616.838.498 đồng.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 34/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Tòa Án Nhân Dân quận T, thành phố H đã tuyên xử:

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227, 228, 238, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, 385 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 266 và Điều 301 của Luật Thương mại năm 2017;

- Điều 2; 6, 7, 7a, 7b và điều 9; 30; 31 của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26, 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phạt 50% giá trị của đơn hàng vi phạm theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng, với tổng số tiền phạt là 3.019.604.482 (ba tỷ, không trăm mười chín triệu, sáu trăm lẻ bốn nghìn, bốn trăm tám mươi hai) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH M1 (Bình Duong).

Buộc Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M1 (Bình Duong) tổng số tiền 7.616.838.498 đồng, một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15/5/2023, Bị đơn nộp đơn kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận phần yêu cầu của Nguyên đơn về khoản tiền nợ là 6.039.208.965 đồng; Không chấp nhận yêu cầu khác của Nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm :

* Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm , không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn. Nguyên đơn xác định Nguyên đơn không rút toàn bộ yêu cầu phạt vi phạm với số tiền tương đương 50% của khoản tiền vi phạm hợp đồng mà chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện về phạt vi phạm theo hướng chỉ yêu cầu phạt với số tiền tương đương 8% của khoản tiền vi phạm hợp đồng.

* Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân thành phố H:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm. Điều chỉnh lại nội dung quyết định của bản án sơ thẩm về đình chỉ xét xử như trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng :

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do Bị đơn có trụ sở chính tại quận T, nên Tòa án nhân dân quận T thành phố H căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định thẩm quyền giải quyết là có cơ sở.

[1.2] Về việc vắng mặt của người đại diện cho Bị đơn: Đại diện Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[2.1 Về giao kết hợp đồng và khoản công nợ phát sinh:

Xét: Hợp đồng kinh tế số VNM-2017-002 ký ngày 01/01/2017, Hợp đồng kinh tế số VNM-2017-002 ký ngày 01/10/2017, Hợp đồng kinh tế số VNM-2018-002 ký ngày 02/01/2018 và phụ lục Hợp đồng kinh tế số VNM-2018-002-PL01 ký ngày 15/6/2018 giữa Công ty Mercury và Công ty H1 được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận tại hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Xét: Quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã tiến hành đối chiếu công nợ the biên bản đối chiếu công nợ số 14.11.2020/ĐCCN.MER/HM ngày 14/11/2020. Nội dung biên bản đối chiếu công nợ được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện nên đây được xác định là thỏa thuận mới của các bên. Tại đơn kháng cáo thì phía Bị đơn cũng thừa nhận khoản nợ này. Do vậy Bản án sơ thẩm đã căn cứ kết quả đối chiếu công nợ để làm căn cứ xác định khoản nợ và sau khi khấu trừ khoản tiền Công ty H1 đã trả để xác định khoản nợ gốc của Bị đơn là 6.039.208.965 đồng là có cơ sở.

[2.2] Về kháng cáo của Bị đơn yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận lãi chậm trả và khoản tiền phạt. **Xét:** Tại bản cam kết trả nợ ngày 16/11/2020, Công ty H1 đã cam kết đảm bảo rằng mỗi tháng thanh toán khoản nợ cũ tối thiểu đạt 200.000.000 đồng và xác định trường hợp vào bất cứ tháng nào trong thời hạn thanh toán không trả đủ số nợ cũ đạt 200.000.000 đồng

thì Công ty H1 bị xem như vi phạm Hợp đồng, những khoản nợ quá hạn sẽ không được tiếp tục gia hạn. Quá trình thực hiện cam kết, tính đến ngày 16/11/2020, Công ty H1 chỉ mới thanh toán cho Công ty Mercury nhiều lần với tổng số tiền là 592.456.683 đồng. Nguyên đơn cũng đã có văn bản nhắc nợ nhưng Bị đơn vẫn không thanh toán số tiền nợ còn lại. Do Bị đơn không trả nợ đúng hạn nên căn cứ nội dung thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng về phạt vi phạm và cam kết trả nợ do Bị đơn lập ngày 16/11/2020 thì việc Nguyên đơn cho rằng Bị đơn đã không thanh toán đúng hạn là hành vi vi phạm hợp đồng và căn cứ hợp đồng để áp dụng phạt vi phạm là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận của các bên. Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn đồng ý tính phạt vi phạm hợp đồng với mức phạt vi phạm tương ứng với 8% giá trị phần hợp đồng chưa thanh toán. Bản án sơ thẩm xác định số tiền phạt hợp đồng là 483.136.717 đồng tương ứng với 8% giá trị khoản nợ tiền hàng chưa thanh toán là phù hợp Điều 301 Luật Thương mại quy định về mức phạt vi phạm. Do vậy kháng cáo nêu trên của Bị đơn là không có cơ sở. Ngoài ra do bị đơn đã vi phạm thời hạn trả nợ nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán là có cơ sở phù hợp Điều 306 Luật Thương mại 2005 nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 26/3/2021 đến ngày 31/3/2023 với mức lãi suất 9%/năm là không cao hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là có cơ sở. Cụ thể:

$$6.039.208.965 \text{ đồng} \times (9\%/năm) \times 735 \text{ ngày} = 1.094.492.816 \text{ đồng}$$

Từ những phân tích trên, bản án sơ thẩm buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng cộng là 7.616.838.498 đồng bao gồm: 6.039.208.965 đồng (*nợ gốc*); 1.094.492.816 đồng (*lãi chậm thanh toán*); 483.136.717 đồng (*phạt vi phạm hợp đồng*) là có cơ sở. Kháng cáo của Bị đơn là không có căn cứ pháp luật nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, Công ty Mercury xác định chỉ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty H1 phải thanh toán cho Công ty Mercury khoản tiền phạt hợp đồng tương đương 50% giá trị của đơn hàng vi phạm là 3.019.604.482 đồng theo hướng chỉ yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng theo mức phạt 8% của giá trị đơn hàng tương đương số tiền là 483.136.717 đồng. Như vậy có cơ sở xác định việc Nguyên đơn chỉ rút phần yêu cầu khởi kiện về số tiền phạt là 2.536.467.765 đồng (3.019.604.482 đồng - 483.136.717 đồng) như ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên Tòa. Tuy nhiên Bản án sơ thẩm lại đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phạt với tổng số tiền phạt là 3.019.604.482 đồng là không có cơ sở. Do vậy Hội đồng xét xử phúc căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản sơ thẩm, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về khoản tiền phạt vi phạm là 2.536.467.765 đồng.

[4] Về án phí :

[4.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về án phí.

[4.2] **Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:** Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] **Về nghĩa vụ chậm thi hành án:** Do các đương sự không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thanh toán nên thuộc trường hợp được áp dụng nghĩa vụ chậm thi hành án theo điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là Công ty TNHH M1 (Binh Duong): Buộc Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M1 (Binh Duong) tổng số tiền 7.616.838.498 (bảy tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, tám trăm ba mươi tám ngàn, bốn trăm chín mươi tám) đồng, một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH M1 (Binh Duong) về việc buộc Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 phải chịu phạt vi phạm với số tiền phạt là 2.536.467.765 đồng.

3. Về án phí:

3.1. **Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 115.616.838 (một trăm mười lăm triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, tám trăm ba mươi tám) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH M1 (Binh Duong) số tiền 58.533.936 (năm mươi tám triệu, năm trăm ba mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi sáu) đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo biên lai thu số 0034810 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

3.2. **Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:**

Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2022/0014080 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. H. Công ty TNHH Thương mại Công nghiệp H1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Các bên đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận T;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS Q T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thanh Thủy